

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-10-2022

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C-TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 121/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXX-ST ngày 15/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Vũ Văn T, sinh năm: 1978, địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 1 1, phường A, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ tạm trú: B tỉnh Bình Phước, phường T, Tp Đ, tỉnh Bình Phước. (xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Triệu Mỹ Thịnh, sinh năm: 1974, địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 1, phường A, thị xã C, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Triệu Mỹ TH chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước vào năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại ấp 1, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Bà TH kinh doanh buôn bán giống cây trồng cho đến nay. Khi việc kinh doanh suôn sẻ thì vợ chồng lại phát sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và không thể hàn gắn. Cụ thể từ năm 2019 cho đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, thiếu tôn trọng

lẫn nhau. Từ tháng 01/2021 ông chuyển đến cơ quan làm việc sống ly thân với bà THcho đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Thịnh

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Vũ Triệu Yên Nhi, sinh năm: 2005, Vũ Triệu Anh Thư, sinh năm: 2006 và Vũ Gia Bảo, sinh năm: 2015. từ khi sống ly thân cho đến nay thì cả 03 con đều sống cùng bà Thịnh. Ông và bà THđã tự thoả thuận với nhau về việc bà THnuôi con và ông cấp dưỡng nên ông rút yêu cầu về con chung và không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Triệu Mỹ THvắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của bà Thịnh.

Tại phiên toà: Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Vũ Văn T và bà Triệu Mỹ Thịnh.

Về con chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” do nguyên đơn ông Vũ Văn T khởi kiện bà Triệu Mỹ THcó nơi cư trú tại: Khu phố 1, phường Ấ, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, do đó Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại điều 227 và điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[3].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1].Về quan hệ hôn nhân: ông Vũ Văn T và bà Triệu Mỹ THchung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống ông T xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, thiếu tôn trọng lẫn nhau từ năm 2019 đến tháng 01/2021 ông chuyển đến cơ quan làm việc sống ly thân với bà THcho đến nay. Bà THkhông trình bày ý kiến của mình về việc ly hôn. Việc ông T xác định có mâu thuẫn vợ chồng và không chung sống cùng bà THtừ năm 2021 thể hiện được rằng mâu thuẫn vợ chồng của ông T và bà THđã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của ông T cho ông T được ly hôn với bà Thịnh.

[3.2]. Về con chung: do ông T rút đơn yêu cầu về con chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu này.

[3.3].Về tài sản chung: ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4].Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Vũ Văn T và bà Triệu Mỹ Thịnh.
2. Về con chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về con chung
3. *Về án phí sơ thẩm:* ông Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0011911 ngày 11/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Xuân Thiều Lương Thị Thu An Nguyễn Thúy Hằng